

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền quản lý của Thanh tra thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29 tháng 7 năm 2021 của
Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong
lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra
Chính phủ;*

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Thanh tra thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các thủ tục hành chính số thứ tự 1, 2, 3, 4 và 5 mục I trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại được ban hành tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Thanh tra thành phố, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức,



cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Kat*

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Cục KSTTHC, VPCP
- TT.UBNDTP (1C);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- VP UBND TP (2,3EG);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, PV. *vl*



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thực Hiện





**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ CỦA THANH TRA THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Quyết định số 1740 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ:

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp thành phố	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	- Bộ phận nhận và trả kết quả của UBND thành phố; - Thanh tra thành phố. Số 08 Nguyễn Đình Chiểu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. - Bộ phận nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố.	Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp thành phố	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý;	- Bộ phận nhận và trả kết quả của UBND thành phố; - Thanh tra thành phố. Số 08	Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020

		<p>đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p> <p>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p>	<p>Nguyễn Đình Chiêu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.</p> <p>- Bộ phận nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố.</p>		
--	--	--	---	--	--

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	<p>Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p> <p>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ</p>	- Bộ phận nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện; Thanh tra cấp huyện và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020

		việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.			
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.	- Bộ phận nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện; Thanh tra cấp huyện và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì	- Bộ phận nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020

		<p>thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ ý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p>			
--	--	---	--	--	--